

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MIỀN NAM - VINACOMIN

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300383956 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp lần đầu ngày 30/09/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03/12/2013)

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN THUỘC SỞ HỮU TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VN TẠI CÔNG TY CP THAN MIỀN NAM - VINACOMIN

Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG



Bản công bố thông tin này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MIỀN NAM - VINACOMIN

Địa chỉ: 49 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM
Điện thoại: (84-8) 38297856 Fax: (84-8) 39141332
Website: www.thanmiennam.com Email: sales@thanmiennam.com

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG (ORS)

Địa chỉ: Số 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại: (84-8) 3914.4290 Fax: (84-8) 3914.2295
Website: www.ors.com.vn Email: ors@ors.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MIỀN NAM - VINACOMIN

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300383956 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp lần đầu ngày 30/09/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03/12/2013)

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN THUỘC SỞ HỮU TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VN TẠI CÔNG TY CP THAN MIỀN NAM - VINACOMIN

Tên cổ phần	: Cổ phần Công ty CP Than Miền Nam - VINACOMIN
Loại cổ phần	: Cổ phần phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng chào bán	: 1.184.850 cổ phần
Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá	: 11.848.500.000 đồng
Giá khởi điểm	: 28.473 đồng/cổ phần

❖ Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Địa chỉ: 4 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 22200237

Fax: (84-8) 22200265

Website: www.afcaudit.vn

Email: afcaudit.hcmc@afcaudit.vn

❖ Tổ chức Tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG (ORS)

Địa chỉ: Số 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (84-8) 3914.4290

Fax: (84-8) 3914.2295

Website: www.ors.com.vn

Email: ors@ors.com.vn

MỤC LỤC

I.	NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ	5
II.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1.	Rủi ro về kinh tế	6
2.	Rủi ro về luật pháp	6
3.	Rủi ro đặc thù	6
4.	Rủi ro khác	7
III.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NỘI DUNG CỦA BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	7
1.	Chủ sở hữu vốn - TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – THAN KHOÁNG SẢN VN	7
2.	Tổ chức phát hành - CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MIỀN NAM - VINACOMIN	7
3.	Tổ chức Tư vấn – CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG	7
IV.	CÁC KHÁI NIỆM	8
V.	THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ	9
1.	Tổ chức phát hành	9
2.	Thông tin về cổ phần chào bán	9
3.	Công bố thông tin và tổ chức đăng ký mua cổ phần	9
4.	Tổ chức buổi đấu giá, thu tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền cọc	10
VI.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	11
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	11
2.	Cơ cấu tổ chức công ty	12
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty	13
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần; Cơ cấu cổ đông	14
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty	15
6.	Hoạt động kinh doanh	15
7.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	19
8.	Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành	22
9.	Chính sách đối với người lao động	23
10.	Chính sách cổ tức	24
11.	Tình hình hoạt động tài chính	25
12.	Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng	28
13.	Tài sản	34
14.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận của Công ty	36
15.	Thông tin về cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành	37
16.	Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới tổ chức phát hành	37
VII.	CỔ PHẦN CHÀO BÁN ĐẤU GIÁ	37
VIII.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	38
IX.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN CỔ PHẦN	39
X.	PHỤ LỤC	39

DANH MỤC BẢNG VÀ HÌNH

Bảng 1: Quá trình thay đổi vốn điều lệ.....	12
Bảng 2: Chi nhánh và Xí nghiệp trực thuộc.....	12
Bảng 3: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại ngày 30/11/2013	14
Bảng 4: Cơ cấu cổ đông tại ngày 30/11/2013	15
Bảng 5: Cơ cấu Doanh thu thuần.....	17
Bảng 6: Cơ cấu lãi gộp.....	17
Bảng 7: Tỷ trọng các khoản chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.....	18
Bảng 8 : Một số hợp đồng đang thực hiện của Công ty.....	19
Bảng 9: Các chỉ tiêu kết quả kinh doanh	19
Bảng 10: Dự báo nhu cầu than sử dụng trong nước theo các giai đoạn	23
Bảng 11: Cơ cấu lao động Công ty tại thời điểm 30/09/2013.....	24
Bảng 12: Chi tiết Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	25
Bảng 13: Số dư các Quỹ	26
Bảng 14: Chi tiết các khoản Vay và nợ ngắn hạn	26
Bảng 15: Chi tiết các khoản phải thu.....	26
Bảng 16: Chi tiết các khoản phải trả.....	27
Bảng 17: Chi tiết Các khoản phải trả khác.....	27
Bảng 18: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	28
Bảng 19: Danh mục tài sản cố định của Công ty	34
Bảng 20: Kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận các năm 2013 – 2014	36
Hình 1: Sơ đồ cơ cấu quản lý của Công ty.....	13
Hình 2: Một số sản phẩm than do SCCV cung ứng ra thị trường	16

I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 của Quốc hội Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ngày 29/11/2005;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 của Quốc hội Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ngày 29/06/2006;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2012/QH12 ngày 24/11/2011;
- Nghị định số 102/2010/NĐ - CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ về việc hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ;
- Quyết định số 989/QĐ-TTg ngày 25/06/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 21/03/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam;
- Quyết định số 314/QĐ-TTg ngày 07/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam;
- Văn bản số 227/TB-VPVP ngày 02/07/2013 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ về bán tiếp phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp đã cổ phần hóa;
- Văn bản số 9450/BCT-TCNL ngày 17/10/2013 của Bộ Công Thương về việc chấp thuận chủ trương chuyển nhượng phần vốn của VINACOMIN tại Công ty Cổ phần Than Miền Nam – VINACOMIN;
- Quyết định số 2185/QĐ-VINACOMIN ngày 15/11/2013 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu;
- Quyết định số 168 /BB-HĐTV của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam ngày 08/02/2014 v/v phê duyệt Phương án chuyển nhượng vốn cổ phần của VINACOMIN tại Công ty Cổ phần Than Miền Nam – VINACOMIN.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Quá trình phát triển và hội nhập của nền kinh tế Việt Nam gắn kết với những biến đổi của nền kinh tế thế giới và do vậy nền kinh tế trong nước sẽ gánh chịu nhiều yếu tố tác động mang tính hệ thống. Đó là sự tăng trưởng hoặc suy thoái kinh tế toàn cầu, là những thay đổi về nhu cầu tiêu thụ của các thị trường nước ngoài, hay chính sách đầu tư của các công ty đa quốc gia,... Bất kỳ sự thay đổi của nền kinh tế thế giới sẽ gây những ảnh hưởng nhất định đối với nền kinh tế và hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro cho hoạt động kinh doanh của Công ty còn là tốc độ phát triển của nền kinh tế trong nước. Ngành than đóng vai trò là ngành công nghiệp trọng điểm, cung cấp nhiên liệu cho các ngành công nghiệp khác như: điện, xi măng, giấy, hoá chất, ... Do đó tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nước cũng sẽ có những ảnh hưởng nhất định đến ngành than nói chung và Công ty Cổ phần Than Miền Nam – VINACOMIN nói riêng.

2. Rủi ro về luật pháp

- Việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, quy định mới liên quan đến hoạt động của ngành có thể ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty Cổ phần Than Miền Nam - VINACOMIN. Thêm vào đó, đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty cũng bị chi phối bởi các văn bản pháp luật về khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường.
- Là công ty cổ phần, Công ty còn chịu sự chi phối của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, và các văn bản pháp luật về thị trường chứng khoán, do đó bất kỳ sự thay đổi về mặt chính sách sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, và cũng sẽ ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trên thị trường.

3. Rủi ro đặc thù

- Rủi ro tài chính

Chính sách bán hàng trả chậm Công ty đang áp dụng hiện nay sẽ có những rủi ro nhất định khi khách hàng mất khả năng thanh toán, Công ty không thu hồi được tiền nợ.

- Rủi ro đầu vào, đầu ra

Thực tế hiện nay toàn bộ nguồn than kinh doanh của Công ty đều do VINACOMIN cung cấp với giá cả theo quy định của Tập đoàn tại từng thời kỳ do đó đầu vào của Công ty hoàn toàn phụ thuộc vào Tập đoàn. Đồng thời, giá bán và cả khối lượng bán cho khách hàng của Công ty cũng được Tập đoàn quyết định do đó kết quả kinh doanh hằng năm của Công ty luôn chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các quyết định của Tập đoàn.

- Rủi ro về chính sách ngành

Ngành Than là ngành kinh tế trọng điểm nên được sự điều chỉnh, điều tiết của các chính sách, chiến lược phát triển của Nhà nước. Tùy diễn biến tình hình thị trường Thế giới và nhu cầu tiêu thụ than trong nước, Nhà nước có sự chỉ đạo hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam. Là một công ty con của VINACOMIN, kế hoạch sản lượng và doanh thu, đầu vào, đầu ra của Công ty do Tập đoàn chi phối, do đó các chính sách khai thác và định

hướng chiến lược phát triển chung của VINACOMIN sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh và sự phát triển của doanh nghiệp.

4. Rủi ro khác

Các rủi ro về hỏa hoạn, lũ lụt, hạn hán, động đất,...là những rủi ro bất khả kháng. Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại lớn về vật chất mà không thể ngăn chặn được, sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động của Công ty.

III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NỘI DUNG CỦA BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Chủ sở hữu vốn - TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – THAN KHOÁNG SẢN VN

Ông LÊ MINH CHUẨN

Tổng Giám đốc

(Đại diện theo pháp luật của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam)

2. Tổ chức phát hành - CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MIỀN NAM - VINACOMIN

Ông TRẦN VĂN CHIỀU

Chủ tịch HĐQT

Ông VĨNH NHƯ

Giám đốc

Ông NGUYỄN QUANG QUẢNG

Trưởng Ban kiểm soát

Bà PHẠM THỊ NGỌC TRANG

Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

3. Tổ chức Tư vấn – CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Ông DIỆP TRÍ MINH

Q. Tổng Giám đốc

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán đấu giá phần vốn của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam tại Công ty Cổ phần Than Miền Nam - VINACOMIN do Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (ORS) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Than Miền Nam - VINACOMIN cung cấp.

IV. CÁC KHÁI NIỆM

UBCKNN	: Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước
SGDCK TP.HCM	: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
Tập đoàn, VINACOMIN	: Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam
Công ty, Tổ chức phát hành, SCCV	: Công ty Cổ phần Than Miền Nam - VINACOMIN
Tổ chức tư vấn, ORS	: Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng quản trị
Ban GD	: Ban Giám đốc
BKS	: Ban Kiểm soát
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
BHXH	: Bảo hiểm xã hội
CNĐKKD	: Chứng nhận đăng ký kinh doanh
BCTC	: Báo cáo tài chính
HĐKD	: Hoạt động kinh doanh
Thành viên chủ chốt	: HĐQT, Ban Giám đốc, BKS và Kế toán trưởng
SYLL	: Sơ yếu lý lịch

V. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ

1. Tổ chức phát hành

- Tên tổ chức phát hành: **CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MIỀN NAM - VINACOMIN**
- Tên tiếng Anh: VINACOMIN SOUTHERN COAL JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: SCCV
- Trụ sở chính: 49 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp.HCM.
- Điện thoại : (84.8) 38297856
- Fax: (84.8) 39141332
- Website: www.thanmiennam.com
- Email: sales@thanmiennam.com

2. Thông tin về cổ phần chào bán

- Vốn điều lệ: 20.722.500.000 đồng
(Hai mươi tỷ bảy trăm hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng)
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
- Tổng số lượng cổ phần: 2.072.250 cổ phần
(Hai triệu bảy mươi hai nghìn hai trăm năm mươi cổ phần)
- Số lượng cổ phần chào bán: 1.184.850 cổ phần
(Một triệu một trăm tám mươi bốn nghìn tám trăm năm mươi cổ phần)
- Giá trị cổ phần chào bán: 11.848.500.000 đồng
(tính theo mệnh giá) (Mười một tỷ tám trăm bốn mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng)
- Loại cổ phần chào bán: Cổ phần phổ thông.
- Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phần chào bán được tự do chuyển nhượng.
- Giá khởi điểm: **28.473 đồng/cổ phần**
- Hình thức chào bán: Bán đấu giá công khai tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM.

3. Công bố thông tin và tổ chức đăng ký mua cổ phần

- Địa điểm cung cấp Bản công bố thông tin về đợt bán đấu giá:
 - Công ty Cổ phần Than Miền Nam - VINACOMIN
 - Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông
- Bản công bố thông tin còn được chuyển tải trên các trang Website:
www.hsx.vn www.ors.com.vn
www.thanmiennam.com Website của các đại lý đấu giá.
- Địa điểm đăng ký tham dự đấu giá
Tại các đại lý đấu giá được công bố trong quy chế đấu giá do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM ban hành.

- Thời gian nộp đơn đăng ký tham dự đấu giá, nộp tiền cọc và nhận phiếu đấu giá
Theo quy chế đấu giá do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM ban hành.
- Điều kiện đăng ký tham dự đấu giá
 - Có đơn đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu và nộp đúng thời hạn theo quy định.
 - Nộp đủ tiền đặt cọc là 10% tổng giá trị cổ phần đăng ký tính theo giá khởi điểm trong thời hạn đăng ký như quy định.
 - Có các giấy tờ liên quan khác:
 - ✚ Đối với cá nhân trong nước:
 - Xuất trình CMND/Hộ chiếu, giấy tờ tùy thân hợp lệ để tiến hành đối chiếu.
 - Kê khai địa chỉ cụ thể, rõ ràng.
 - ✚ Đối với tổ chức trong nước:
 - Nếu người Đại diện theo pháp luật không đăng ký trực tiếp thì phải có Giấy ủy quyền hợp lệ do người Đại diện theo pháp luật của tổ chức ủy quyền cho người đăng ký tham dự. Người được ủy quyền phải mang theo CMND hoặc giấy tờ tùy thân hợp lệ khi đăng ký tham dự đấu giá.
 - Bản sao được chứng thực, công chứng hợp lệ văn bản chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức đó (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Quyết định thành lập...)
- Quy định về nộp tiền đặt cọc và tiền mua cổ phần
Nhà đầu tư có thể nộp tiền mặt tại các địa điểm đăng ký tham dự đấu giá hoặc chuyển khoản vào các tài khoản của các đại lý đấu giá được công bố trong quy chế đấu giá do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM ban hành.
- Giới hạn về số lượng cổ phần đăng ký tham dự đấu giá:
Theo quy chế bán đấu giá do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM ban hành.

4. Tổ chức buổi đấu giá, thu tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền cọc

- Thời gian tổ chức buổi đấu giá
Theo quy chế bán đấu giá do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM ban hành.
- Địa điểm tổ chức bán đấu giá cổ phần:
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM
Địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM.
Điện thoại: (84.8) 38217713 Fax: (84.8) 38217452
- Thời gian nhận phiếu tham dự đấu giá:
Theo quy chế bán đấu giá do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM ban hành.
- Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc:
Theo quy chế bán đấu giá do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM ban hành.

VI. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Than Miền Nam - VINACOMIN tiền thân là Công ty Kinh doanh và Chế biến Than Miền Nam được thành lập tháng 11/1975, là đơn vị trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (VINACOMIN), một mắt xích quan trọng trong dây chuyền sản xuất, chế biến và tiêu thụ than của Tập đoàn VINACOMIN.

Công ty Cổ phần Than Miền Nam – VINACOMIN được cổ phần hóa tháng 10/2004, trong đó Nhà nước nắm giữ 78% cổ phần. Hoạt động chủ yếu của Công ty là thực hiện phân phối than (mua bán, vận chuyển, giám sát quá trình tiêu thụ than) theo kế hoạch được VINACOMIN phê duyệt trên địa bàn các tỉnh Miền Nam (từ Bình Thuận trở vào). Chất lượng than của Công ty được kiểm nghiệm theo tiêu chuẩn chất lượng Việt Nam (TCVN). Ngoài ra, Công ty còn có các dịch vụ khác là: Môi giới tàu biển, vận chuyển và bốc xếp, phục vụ các dự án của Tập đoàn.

1.2. Giới thiệu về Công ty

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MIỀN NAM - VINACOMIN**
- Tên tiếng Anh: **VINACOMIN SOUTHERN COAL JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **SCCV**



- Logo Công ty:
(*Công ty sử dụng logo của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam*)
- Trụ sở chính: 49 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM
- Điện thoại : (84.8) 38297856
- Fax : (84.8) 39141332
- Website : www.thanmiennam.com
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300383956 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp lần đầu ngày 30/09/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03/12/2013.
- Vốn điều lệ hiện tại: 20.722.500.000 đồng
(*Hai mươi tỷ bảy trăm hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*)
- Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất than cốc. Kinh doanh than. Vận tải đường thủy nội địa. Vận tải hàng hoá bằng đường bộ. Kinh doanh khách sạn. Kinh doanh lưu trú du lịch: nhà nghỉ (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Kinh doanh vật liệu xây dựng. Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng, hàng hoá phục vụ sản xuất và đời sống. Tư vấn quản lý. Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu: tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán). Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bán và tổ chức tour du lịch.

- Quá trình tăng vốn từ khi cổ phần hóa:

Bảng 1: *Quá trình thay đổi vốn điều lệ*

STT	Năm	Vốn điều lệ	Vốn điều lệ tăng thêm	Hình thức tăng vốn
1	2010	4.605.000.000	9.210.000.000	Phát hành cổ phiếu thưởng
2	2012	13.815.000.000	6.907.500.000	Phát hành cổ phiếu thưởng

(Nguồn: SCCV)

2. Cơ cấu tổ chức công ty

Văn phòng Công ty

Địa chỉ: 49 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM

Điện thoại: (84.8) 38297856 Fax: (84.8) 39141332

Các Chi nhánh, xí nghiệp trực thuộc

Bảng 2: *Chi nhánh và Xí nghiệp trực thuộc*

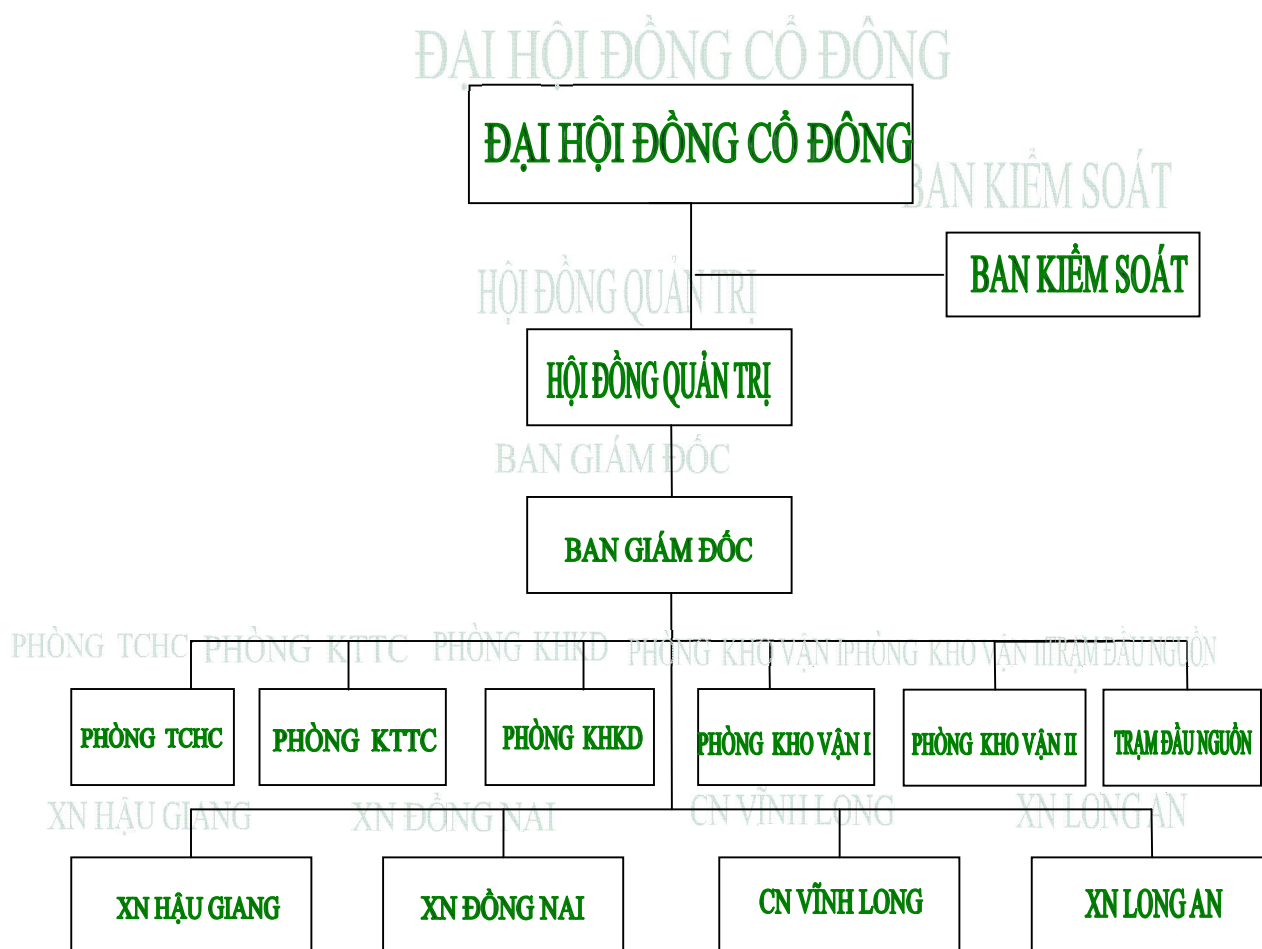
TT	Tên	Địa chỉ	Điện thoại	Fax
1	Xí nghiệp Than Long An	Ấp 4, Xã Long Định, tỉnh Long An.	(84.8) 38993015	(84.8) 389.930.15
2	Xí nghiệp Than Hậu Giang	Km 6, Cảng Bến Đá, Phường Bình Thủy, Quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ.	(84.71) 841054	(84.71) 842012
3	Xí nghiệp Than Đồng Nai	Tổ 11, ấp Tân Cang, xã Phước Tân Tp. Biên Hoà, Đồng Nai.	(84.61) 841054	(84.61) 842012
4	Chi nhánh Than Vĩnh Long	Trường dạy nghề số 9, đường Phạm Hùng, P.9, Tp.Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.	(84.70) 820881	(84.70) 820881
5	Nhà khách Công ty CP Than Miền Nam - VINACOMIN	42 Cống Quỳnh, P.Nguyễn Cư Trinh, Q.1, Tp.HCM	(84.8) 38373298	(84.8) 38373298
6	Chi nhánh Công ty CP Than Miền Nam - VINACOMIN	2W Ung Văn Khiêm, P.25, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM.		
7	Chi nhánh Than Bình Dương	Ấp 2, Xã Thạnh Phước, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	(84.650) 362924	(84.650) 362924

(Nguồn: SCCV)

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

3.1. Sơ đồ cơ cấu quản lý

Hình 1: Sơ đồ cơ cấu quản lý của Công ty



(Nguồn: SCCV)

3.2. Chức năng nhiệm vụ

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất trong Công ty Cổ phần Than Miền Nam - VINACOMIN, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ thảo luận và thông qua các báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT và BKS về tình hình hoạt động kinh doanh và quản lý Công ty, quyết định các phương án phát triển ngắn và dài hạn của Công ty, sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty, bầu, bãi nhiệm HĐQT, BKS, và các quyền khác theo Điều lệ Công ty và theo pháp luật hiện hành.

Hội đồng quản trị

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. Số lượng thành viên HĐQT hiện nay là ba (03) người. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát gồm 03 người do ĐHĐCĐ bầu ra, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm.

Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty gồm có một Giám đốc điều hành, hai Phó Giám đốc.

Giám đốc điều hành do HĐQT bổ nhiệm để quản lý và điều hành hoạt động của công ty. Giám đốc chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước Pháp luật về quản lý điều hành của Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần; Cơ cấu cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty tại ngày 30/11/2013

Bảng 3: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại ngày 30/11/2013

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	% Vốn điều lệ
1	Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	226 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội	1.599.300	77,18%

(Nguồn: SCCV)

4.2. Cơ cấu cổ đông vào ngày 30/11/2013**Bảng 4:** Cơ cấu cổ đông tại ngày 30/11/2013

STT	Cơ cấu cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Giá trị vốn cổ phần (đồng)	Tỷ lệ (%)
1.	Tổ chức trong nước	01	1.599.300	15.993.000.000	77,18
2.	Cá nhân trong nước	65	472.950	4.729.500.000	22,82
	Tổng cộng	66	2.072.250	20.722.500.000	100

(Nguồn: SCCV)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty**🚩 Công ty con**

Không có

🚩 Công ty mẹ

- Tên đầy đủ: **TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VN**
- Địa chỉ liên hệ: 226 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: (84.4) 35180400 Fax: (84.4) 38510724
- CNDKKD: Quyết định số 345/2005/QĐ-TTg ngày 26/12/2005 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.
- Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Than Miền Nam – VINACOMIN
 - Số lượng: 1.599.300 cổ phần
 - Giá trị mệnh giá: 15.993.000.000 đồng
 - Tỷ lệ nắm giữ: 77,18% vốn điều lệ SCCV

6. Hoạt động kinh doanh**6.1. Lĩnh vực hoạt động và sản phẩm – dịch vụ chính**

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Than Miền Nam – VINACOMIN bao gồm:

Kinh doanh than và các sản phẩm từ than

Công ty cung ứng các loại than đá do các thành viên của VINACOMIN khai thác và chế biến với các chủng loại, kích cỡ khác nhau. Hàng hóa và nguyên liệu do Tập đoàn cung ứng cho Công ty thông qua các công ty thành viên của Tập đoàn tại Quảng Ninh. Công ty thuê tàu biển vận chuyển vào các cảng khu vực miền Nam, bốc xếp, vận chuyển vào kho để bán hoặc giao cho khách hàng. Ngoài ra SCCV cũng thực hiện sản xuất, kinh doanh than tổ ong từ nguyên liệu là than cám. Tuy nhiên, tỷ trọng doanh thu mặt hàng này là không đáng kể trong cơ cấu doanh thu của Công ty.

Hình 2: Một số sản phẩm than do SCCV cung ứng ra thị trường



Than cám



Than cám



Than cục



Than cục



Than cục xô



Than cục xô



Than thương phẩm vùng Vàng Danh – Uông Bí



Than thương phẩm vùng Cẩm Phả - Hòn Gai

Kinh doanh ngoài Than

Ngoài kinh doanh các sản phẩm than do Tập đoàn cung ứng, Công ty còn cung cấp dịch vụ giao nhận, vận chuyển, ... cho VINACOMIN, phục vụ chủ yếu cho nhu cầu của Tập đoàn.

6.2. Thực trạng hoạt động kinh doanh chính**Cơ cấu doanh thu thuần và lãi gộp qua các năm****Bảng 5:** Cơ cấu Doanh thu thuần*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chi tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Luỹ kế đến 30/09/2013	
	Doanh thu	Tỷ lệ (%)	Doanh thu	Tỷ lệ (%)	Doanh thu	Tỷ lệ (%)
Kinh doanh than	2.243.054	99,2	2.139.454	98,5	1.213.455	93,07
Dịch vụ	17.750	0,8	28.976	1,4	90.333	6,93
Tổng cộng	2.260.804	100%	2.168.430	100%	1.303.788	100%

(Nguồn: BCTC năm 2011, 2012 và BCTC Quý 03/2013 đã được kiểm toán của SCCV)

Doanh thu của Công ty qua các năm chủ yếu từ hoạt động kinh doanh than, năm 2011 chiếm 99,2% tổng Doanh thu, năm 2012 chiếm 98,5% tổng Doanh thu.

Tuy nhiên, từ năm 2012 Công ty phát triển thêm các mảng dịch vụ khác phục vụ cho nhu cầu của VINACOMIN như: vận chuyển, dịch vụ giao nhận,... nên tỷ lệ doanh thu của các sản phẩm, dịch vụ khác cũng dần tăng lên. Trong đó, đặc biệt là dịch vụ vận chuyển than cho Tổ hợp Bauxite – Lâm Đồng của VINACOMIN từ tháng 4/2011. Đây là hoạt động kinh doanh tiềm năng của Công ty trong tương lai khi Tổ hợp Bauxite – Lâm Đồng đi vào hoạt động ổn định từ năm 2014. Hiện tại, chỉ riêng 9 tháng năm 2013, doanh thu từ dịch vụ này đã đạt gần 85 tỷ đồng, chiếm hơn 94% doanh thu từ mảng dịch vụ.

Bảng 6: Cơ cấu lãi gộp*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chi tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Luỹ kế đến 30/09/2013	
	Lãi gộp	Tỷ lệ (%)	Lãi gộp	Tỷ lệ (%)	Lãi gộp	Tỷ lệ (%)
Kinh doanh than	77.506	88,6	59.159	83,8	65.127	82,4
Dịch vụ	9.939	11,4	11.424	16,2	13.872	17,6
Tổng cộng	87.445	100%	70.599	100%	78.999	100%

*(Nguồn: BCTC năm 2011, 2012 và BCTC Quý 03/2013 đã được kiểm toán của SCCV)***6.3. Nguyên vật liệu**

Nguồn than, giá than và các dịch vụ Công ty thực hiện theo quy định của VINACOMIN ban hành theo từng thời điểm.

Công ty phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn cung và giá than do Tập đoàn VINACOMIN quy định. VINACOMIN căn cứ kế hoạch của Công ty xây dựng, cân đối với kế hoạch sản xuất của Tập đoàn để ban hành khối lượng than cung ứng cho Công ty.

6.4. Cơ cấu chi phí

Cơ cấu các khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty trong các năm gần đây được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 7: Tỷ trọng các khoản chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Triệu đồng

Yếu tố chi phí	Năm 2011		Năm 2012		9T/2013	
	Giá trị	% Tổng DT	Giá trị	% Tổng DT	Giá trị	% Tổng DT
Tổng doanh thu	2.260.804	100	2.168.431	100	1.303.788	100
Giá vốn hàng bán	2.173.359	96,13	2.097.811	96,74	1.224.788	93,94
Chi phí bán hàng	15.100	0,67	12.554	0,58	42.346	3,25
Chi phí quản lý DN	41.684	1,84	39.907	1,84	25.512	1,96
Chi phí tài chính	11.326	0,51	718	0,03	522	0,03
Chi phí khác	492	0,02	426	0,02	-	-
Tổng cộng	2.241.961	99,17	2.151.416	99,21	1.293.168	99,18

(Nguồn: BCTC năm 2011, 2012 và BCTC Quý 03/2013 đã được kiểm toán của SCCV)

Với vai trò là đầu mối cung ứng than cho VINACOMIN, trong khi giá sản phẩm đầu vào và giá bán đều theo quy định của Tập đoàn do đó cơ cấu Chi phí/Doanh thu và cụ thể là Giá vốn hàng bán/Doanh thu khá ổn định qua các năm. Bên cạnh đó, việc tăng cường kiểm soát chi phí quản lý, chi phí bán hàng giúp cho tỷ lệ chi phí quản lý, chi phí bán hàng so với doanh thu có xu hướng giảm trong những năm gần đây.

6.5. Trình độ công nghệ

Công ty chủ yếu mua than của Tập đoàn và bán cho khách hàng, đồng thời có chế biến than tổ ong phục vụ cho sinh hoạt, do vậy về công nghệ là các thiết bị giản đơn và nhỏ lẻ.

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ

Hoạt động chủ yếu của SCCV là cung cấp than đá các loại cho khách hàng theo yêu cầu của Tập đoàn. Các doanh nghiệp khai thác và chế biến than của Tập đoàn trước khi giao cho SCCV đều phải tuân thủ các quy định về chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam. Nhiệm vụ của SCCV là đảm bảo việc nhận hàng và giao hàng theo đúng yêu cầu của khách hàng tại hợp đồng. Để thực hiện tốt yêu cầu này, Công ty thường xuyên tổ chức các đợt tập huấn cho cán bộ nhân viên để nâng cao khả năng giám sát trong quá trình nhận, vận chuyển và giao hàng cho các khách hàng.

6.7. Hoạt động marketing

Hàng năm Công ty tổ chức hội nghị khách hàng để gặp gỡ tri ân những khách hàng đồng hành cùng SCCV mua bán than vì sự phát triển chung. Ngoài ra, Công ty cũng chú trọng đến tính đặc thù của từng khách hàng để có những hỗ trợ và tạo điều kiện để phát triển thị trường, đặc biệt là các khách hàng truyền thống trong kinh doanh và chế biến than.

6.8. Nhân hiệu thương mại

Tên Công ty	:	CÔNG TY CP THAN MIỀN NAM – VINACOMIN
Tên tiếng Anh	:	VINACOMIN SOUTHERN COAL JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	:	SCCV
Logo	:	

Công ty CP Than Miền Nam – VINACOMIN sử dụng Logo của Tập đoàn VINACOMIN trong hoạt động và giao dịch.

6.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Một số khách hàng lớn của Công ty: Công ty TNHH Nam Việt Thuận, Công ty TNHH Than Tân Phù Đồng, Công ty TNHH MTV TMDV Minh Khuê.

Bảng 8 : Một số hợp đồng đang thực hiện của Công ty

TT	Đối tác	Sản phẩm, dịch vụ	Trị giá (triệu đồng)	Thời gian thực hiện
1	Công ty TNHH MTV Minh Khuê	Than đá các loại	101.000	2013
2	Công ty TNHH Than Tân Phù Đồng	Than đá các loại	107.000	2013
3	Công ty TNHH Nam Việt Thuận	Than đá các loại	221.000	2013

(Nguồn: SCCV)

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty từ 2011 đến nay**

Bảng 9: Các chỉ tiêu kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Lũy kế đến 30/09/2013
1	Tổng tài sản	132.930	134.881	333.785
2	Doanh thu thuần	2.260.804	2.168.431	1.303.788
3	Giá vốn hàng bán	2.173.359	2.097.811	1.224.788
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	21.407	18.279	10.838

5	Lợi nhuận khác	(418)	123	2
6	Lợi nhuận trước thuế	20.989	18.401	10.840
7	Lợi nhuận sau thuế	15.636	13.801	8.130
8	Tỷ lệ cổ tức (%)	15%	15%	-

(Nguồn: BCTC năm 2011, 2012 và BCTC Quý 03/2013 đã được kiểm toán của SCCV)

Trước bối cảnh ngành than gặp khó khăn trong năm 2012 trong việc tiêu thụ sản phẩm, tồn kho ở mức cao, quy mô khai thác than thu hẹp, công nghệ khai thác xuống sâu, công tác đổ thải, đền bù giải phóng mặt bằng, môi trường còn có nhiều vướng mắc, giá than điều chỉnh giảm... song với tinh thần trách nhiệm và quyết tâm cao của toàn Công ty, Công ty CP Than Miền Nam - VINACOMIN đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ về sản lượng mua và tiêu thụ do Tập đoàn giao, hoạt động tài chính lành mạnh, bảo toàn và phát triển nguồn vốn kinh doanh. Tuy nhiên chỉ tiêu doanh thu của Công ty chưa hoàn thành chủ yếu là do giá bán than của Công ty giảm, tương ứng với việc Tập đoàn điều chỉnh giá than. Bằng nhiều biện pháp quản lý, song hành với tiết giảm tất cả các chi phí trong toàn thể Công ty cùng với chiến lược phát triển mạnh các hoạt động cung cấp dịch vụ cho Tập đoàn nên lợi nhuận trước thuế đạt 18,40 tỷ đồng, bằng 213,96% kế hoạch năm là 8,6 tỷ đồng.

Năm 2013, thị trường tiêu thụ than ngoài ngành điện có sự sụt giảm mạnh do các nhà sản xuất thu hẹp hoạt động, giảm công suất, đồng thời sử dụng thêm nhiều các sản phẩm thay thế khác đã gây nên những khó khăn không chỉ đối với SCCV mà còn đối với tất cả các doanh nghiệp ngành than nói chung.

Mặc dù vậy trong 9 tháng đầu năm 2013, Công ty đã phấn đấu đạt hơn 1.303 tỷ đồng doanh thu, hoàn thành khoảng 51,14% kế hoạch năm, cùng với lợi nhuận trước thuế 10,84 tỷ bằng 124,59% kế hoạch năm.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty từ năm 2011 đến nay

Thuận lợi

- Là đơn vị thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản VN, Công ty nhận được sự hậu thuẫn lớn đối với cơ chế điều hành, tiêu thụ và các chiến lược đầu tư phát triển.
- Đội ngũ cán bộ công nhân viên có nhiều kinh nghiệm trong công tác kinh doanh than.

Khó khăn

- Nền kinh tế chưa phục hồi nên sản lượng tiêu thụ than sụt giảm mạnh, ngoại trừ ngành điện thì nhu cầu than từ các ngành khác đều sụt giảm do các ngành sản xuất khác đều thu hẹp công suất. Đồng thời than trong nước còn đang bị cạnh tranh mạnh mẽ bởi các nhiên liệu thay thế khác như: dầu, gas, khí hoá lỏng, củi trấu, than Indonesia, than ngoài luồng,
- Bên cạnh đó, do đặc thù ngành, việc khai thác, xuất khẩu hay bán cho một số khách hàng của ngành than cũng bị phụ thuộc vào đơn vị chủ quản là VINACOMIN, đôi khi cả về khối lượng

và giá cả. Hoạt động của các công ty vẫn chủ yếu dưới dạng hợp đồng giao thầu, kinh doanh than với Tập đoàn.

- Thêm vào đó, áp lực cạnh tranh sẽ gia tăng đáng kể trong thời gian tới, cụ thể là việc Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam đã thành lập Công ty Nhập khẩu và phân phối than Dầu khí (PV Power Coal) và đặc biệt là việc Tổng công ty Đông Bắc – Bộ Quốc phòng tách ra khỏi Tập đoàn Vinacomin sẽ ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của Tập đoàn nói chung và SCCV nói riêng.

7.3. Phân tích SWOT

THẾ MẠNH	THỦ THÁCH
- SCCV là công ty con của Tập đoàn VINACOMIN, do vậy Công ty có được những lợi thế nhất định trong quá trình hoạt động kinh doanh. - Do tận dụng được thế mạnh về mối quan hệ giữa Tập đoàn và các đối tác trong thanh toán bù trừ dẫn đến việc SCCV ít phải sử dụng vốn vay nên hiệu quả sinh lợi cao. Các chi phí được quản trị hiệu quả và ổn định. Tuy nhiên, sau khi Tập đoàn bán đấu giá cổ phần chỉ giữ lại khoảng 20% thì việc SCCV có tiếp tục có được lợi thế này hay không là vấn đề chưa chắc chắn.	- Trong thời gian tới, lượng than của VINACOMIN chỉ đáp ứng chủ yếu cho các ngành công nghiệp lớn như điện, xi măng, hóa chất... nên lượng than cung ứng cho SCCV dự kiến sẽ giảm mạnh, làm giảm doanh thu và lợi nhuận mảng kinh doanh than của Công ty. - Ngày 15/7/2013, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 14/2013/TT-BTC và Thông tư số 15/2013/TT-BCT cho phép nhiều thành phần kinh tế được tham gia hoạt động chế biến, kinh doanh và xuất khẩu than. Vì vậy, áp lực cạnh tranh sẽ gia tăng đáng kể trong thời gian tới. Cụ thể, những động thái đầu tiên và đáng kể quan sát được là việc Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam đã thành lập Công ty Nhập khẩu và phân phối than Dầu khí (PV Power Coal) và đặc biệt là việc Tổng công ty Đông Bắc – Bộ Quốc phòng tách ra khỏi Tập đoàn VINACOMIN.
ĐIỂM YẾU	CƠ HỘI
- Là công ty con của VINACOMIN, do đó SCCV gần như phụ thuộc VINACOMIN về sản lượng than thu mua, giá mua và giá bán than. Do vậy hạn chế khả năng chủ động và ra quyết định của SCCV. - Với doanh thu của Công ty lên tới hàng ngàn tỷ đồng mỗi năm trong khi vốn điều lệ khoảng 20 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu khoảng 51 tỷ đồng cho thấy năng lực tài chính của SCCV là khá thấp so	- Kinh tế Việt Nam và thế giới được dự báo là sẽ tốt hơn trong thời gian sắp tới, do đó khả năng thúc đẩy nhu cầu về than và các mặt hàng do SCCV cung cấp. - SCCV đã nắm bắt được cơ hội rất lớn từ hoạt động vận chuyển than cung ứng cho Tổ hợp Bauxite – Lâm Đồng. Tổ hợp này dự kiến hoàn tất chạy thử toàn nhà máy vào cuối năm nay và đi vào hoạt động ổn định trong năm tới sẽ tạo đà phát triển mới cho SCCV đồng thời bù đắp phần

với với quy mô hoạt động của Công ty. - Tỷ lệ nắm giữ của nhà nước tại Công ty còn cao, tỷ lệ nắm giữ cổ phần của người lao động của SCCV còn hạn chế, chưa khuyến khích được tinh thần làm việc cũng như sáng tạo của người lao động.	nào sự sụt giảm doanh thu từ hoạt động kinh doanh than.
--	--

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Là một thành viên thuộc VINACOMIN, Công ty CP Than – Khoáng sản Việt Nam, đóng vai trò mắt xích quan trọng trong dây chuyền sản xuất và phân phối than của Tập đoàn, một trong những đầu mối cung ứng than ra thị trường miền Nam của VINACOMIN.

Bên cạnh đó, với lịch sử hình thành và phát triển lâu đời, Công ty Cổ phần Than Miền Nam VINACOMIN có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý và điều hành hoạt động phân phối than, đồng thời phát triển được một mạng lưới khách hàng và các đối tác thân thiết góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty trong ngành.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Than là một trong những năng lượng quan trọng, không thể thiếu của nền kinh tế. Theo đó, ngành công nghiệp than là ngành trọng điểm với lịch sử phát triển hơn trăm năm và cung ứng nguyên liệu cho nhiều ngành sản xuất đầu tàu khác như: điện, hoá chất, xi măng, giấy, Trên nền tảng sản xuất than, ngành Than đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của ngành điện, xi măng, vật liệu nổ công nghiệp, sản xuất cơ khí, vật liệu xây dựng và nhiều ngành nghề khác. Trong 10 năm gần đây, ngành Than đã có sự phát triển vượt bậc, sản xuất hơn 40 triệu tấn than hàng năm, nâng con số xuất khẩu lên hơn 10 triệu tấn, mang lại nhiều ngoại tệ cho đất nước. Theo số liệu tổng kết của VINACOMIN, năm 2013 Tập đoàn đã khai thác 42,3 triệu tấn than, 2015 theo kế hoạch là phải đảm bảo 50 triệu, 2020 là 60 triệu và 2025 là 65 triệu tấn than. Doanh thu năm 2013 của Tập đoàn đạt 100.000 tỷ đồng, vượt 6% so với năm 2012, trong đó, doanh thu than đạt 55.500 tỷ đồng; lợi nhuận năm 2013 đạt 3.000 tỷ đồng, vượt kế hoạch 20% kế hoạch năm. Dự kiến nhu cầu đối với than vẫn tiếp tục gia tăng trong những năm tiếp theo khi Chính phủ đã phê duyệt quy hoạch xây dựng nhiều nhà máy nhiệt điện tại các địa phương cùng với kế hoạch phát triển ngành điện trong giai đoạn 2020 – 2030 trong đó tổng sản lượng điện sản xuất từ nhiệt điện than sẽ chiếm 50% tổng lượng.

Bên cạnh tiềm năng to lớn để tiếp tục phát triển và những thuận lợi nhất định thì ngành than Việt Nam vẫn tồn tại nhiều khó khăn và thử thách như: công nghệ khai thác sơ khai, chịu rủi ro về mặt chính sách và môi trường ... Hiện tại, doanh nghiệp chủ yếu khai thác mỏ lộ thiên, trong khi, theo dự kiến, đến năm 2014, TKV sẽ đóng cửa hoàn toàn các mỏ than lộ thiên, nên đòi hỏi doanh nghiệp phải đầu tư công nghệ, tập trung khai thác than ở các hầm, lò. Đồng thời việc than nhập khẩu, than không rõ nguồn gốc bằng cách này hay cách khác

tiếp tục xâm lấn thị trường trong nước thì thách thức, khó khăn với VINACOMIN và các doanh nghiệp trong ngành rất lớn. Thêm vào đó, Thuế xuất khẩu lên xuống thất thường, nhiều loại thuế phí áp dụng cho than còn chưa hợp lý, thực tế giá than bán cho điện dù tăng nhưng vẫn chưa bù được giá thành sản xuất.. làm cho giá thành hòn than bị đẩy lên, đuổi sức cạnh tranh, ảnh hưởng đến tiêu thụ và việc làm, thu nhập của người lao động...

Bảng 10: Dự báo nhu cầu than sử dụng trong nước theo các giai đoạn

Đơn vị: triệu tấn

Nhu cầu than	2012		2015		2020		2025		2030	
	P/A cơ sở	P/A cao	P/A cơ sở	P/A cao	P/A cơ sở	P/A cao	P/A cơ sở	P/A cao	P/A cơ sở	P/A cao
Tổng số	32,9	33,7	56,2	60,7	112,4	120,3	145,5	177,5	220,3	270,1
<i>Trong đó, than cho điện</i>	14,4	15,2	33,6	38,0	82,8	90,8	112,7	144,7	181,3	231,1

(Nguồn: Quy hoạch tổng thể phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2020, có xét triển vọng đến 2030)

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách Nhà nước và xu thế chung trên Thế giới

Là một thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, định hướng phát triển và mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty phải phù hợp với chiến lược phát triển chung của Tập đoàn nói riêng và của ngành than nói chung. Theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 60/QĐ-TTg ngày 9/01/2012 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2020, có xét triển vọng đến 2030, mục tiêu của Chính phủ là xây dựng, phát triển ngành than bền vững, hiệu quả theo hướng đồng bộ, phù hợp với sự phát triển chung của các ngành kinh tế khác; phát triển ngành than trên cơ sở khai thác, chế biến, sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên than của đất nước, nhằm phục vụ nhu cầu trong nước là chủ yếu; đóng góp tích cực, hiệu quả vào việc bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia và đáp ứng tối đa nhu cầu than phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; bảo đảm việc xuất, nhập khẩu hợp lý theo hướng giảm dần xuất khẩu và chỉ xuất khẩu các chủng loại than trong nước chưa có nhu cầu sử dụng.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Tổng số lao động trong Công ty

Hiện nay, Công ty có tổng cộng 230 người lao động.

Cơ cấu người lao động phân chia theo trình độ học vấn như sau:

Bảng 11: Cơ cấu lao động Công ty tại thời điểm 30/09/2013

TT	Phân loại lao động	Số người
1.	Trên đại học	01
2.	Đại học	50
3.	Cao đẳng, trung cấp	26
4.	Lao động phổ thông	153
Tổng cộng		230

(Nguồn: Công ty SCCV)

9.2. Các chính sách liên quan đến người lao động

- Chế độ làm việc: Công ty áp dụng chế độ làm việc theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Thời gian làm việc tại Văn phòng Công ty là 8h/ngày, 40h/tuần; tại các đơn vị trực thuộc là 8h/ngày, 48h/tuần.
- Chính sách lương, thưởng: Công ty áp dụng theo hệ số thang lương bảng lương của nhà nước để trả lương cho người lao động theo nguyên tắc làm việc gì thì trả lương theo việc ấy. Ngoài ra còn được hưởng lương sản xuất kinh doanh tùy thuộc vào kết quả kinh doanh của đơn vị.
- Chế độ phúc lợi, trợ cấp cho người lao động: Hàng năm, CBCNV được công ty tổ chức đi tham quan nghỉ mát nhiều nơi, nguồn kinh phí được trích từ Quỹ phúc lợi của công ty; CBCNV được hưởng đầy đủ các khoản trợ cấp ốm đau, thai sản, được thăm hỏi ốm đau khi điều trị tại bệnh viện cũng như tại nhà.
- Chính sách đào tạo: hàng năm CBCNV được tham gia đào tạo các lớp ngắn hạn để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

10. Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của năm tiếp theo.

Tỷ lệ cổ tức được chi trả qua các năm của SCCV như sau:

- Tỷ lệ cổ tức chi trả năm 2011 là 15% trên vốn điều lệ, được chi trả bằng tiền mặt.
- Tỷ lệ cổ tức chi trả năm 2012 là 15% trên vốn điều lệ, bằng tiền mặt.
- Tỷ lệ cổ tức chi trả cho năm 2013 dự kiến là 12% trên vốn điều lệ, bằng tiền mặt.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

a. Chính sách khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản trong phạm vi Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian hữu dụng ước tính cho các nhóm tài sản cố định của Công ty như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 09
Máy móc, thiết bị	04 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04
Quyền sử dụng đất	50

b. Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên của Công ty trong năm 2011 là 11.400.00 đồng/người/tháng, năm 2012 là 9.800.000 đồng/người/tháng. So với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành than tại địa phương, thì thu nhập của cán bộ công nhân viên của Công ty được đánh giá là khá cao.

c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Hiện nay Công ty không có các khoản nợ quá hạn. Công ty luôn thanh toán đúng và đầy đủ các khoản nợ và các khoản vay khi đến hạn.

d. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn thực hiện nghiêm túc việc nộp thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng luật định.

Bảng 12: Chi tiết Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Giá trị 30/09/2013
Thuế Giá trị gia tăng	14.323.444
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.704.303.729
Thuế Thu nhập cá nhân	112.567.511
Tổng cộng	1.831.194.684

(Nguồn: BCTC Quý 3/2013 đã được kiểm toán của Công ty SCCV)

e. Trích lập các quỹ

Thu nhập của Công ty sau khi đã trừ khoản nộp thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật. Mức trích lập các quỹ hàng năm do Hội đồng quản trị xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Bảng 13: Số dư các Quỹ

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	30/09/2013
Quỹ đầu tư phát triển	21.747.060.391	19.639.725.227	19.639.725.227
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	1.974.285.704	1.974.285.704
Quỹ dự phòng tài chính	-	1.380.107.628	1.380.107.628
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.283.995.726	7.648.797.567	5.468.573.225

(Nguồn: BCTC năm 2011, 2012 và BCTC Quý 3/2013 đã được kiểm toán của Công ty SCCV)

f. Tổng dư nợ vay

- Vay và nợ ngắn hạn:

Bảng 14: Chi tiết các khoản Vay và nợ ngắn hạn

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung	Mục đích vay	Lãi suất vay	31/12/2012	30/09/2013
1	Công ty TNHH MTV Tài chính Than – Khoáng sản VN	Bổ sung vốn lưu động	7%/năm	-	20.000.000.000
2	Vay cá nhân	Bổ sung vốn KD	Theo lãi suất vay ngắn hạn của NHNN tính bình quân trong tháng	1.119.000.000	1.119.000.000
	Tổng cộng			1.119.000.000	21.119.000.000

(Nguồn: BCTC năm 2012 và BCTC Quý 3/2013 đã được kiểm toán của Công ty SCCV)

- Vay và nợ dài hạn: Công ty hiện không có các khoản vay dài hạn.

g. Tình hình công nợ

- Các khoản phải thu

Bảng 15: Chi tiết các khoản phải thu

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2012	30/09/2013
----	----------	------------	------------

1	Phải thu khách hàng	33.670.175.960	208.006.466.441
	<i>Phải thu thương mại – bên liên quan</i>	<i>481.373.098</i>	<i>93.744.519.601</i>
	<i>Phải thu thương mại – bên thứ ba</i>	<i>33.188.802.862</i>	<i>114.261.946.840</i>
2	Phải thu nội bộ ngắn hạn ^(*)	2.002.043.829	2.002.043.829
3	Các khoản phải thu khác	199.645.622	191.858.050
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.606.029.547)	(3.295.252.404)
	Tổng cộng	32.265.835.864	206.905.115.916

(Nguồn: BCTC năm 2012 và BCTC Quý 3/2013 đã được kiểm toán của Công ty SCCV)

Ghi chú:

^(*): là khoản chi hộ chi phí xây dựng toà nhà điều hành cho Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

- Các khoản phải trả

Bảng 16: Chi tiết các khoản phải trả

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2012	30/09/2013
1.	Phải trả cho người bán	56.322.619.750	230.355.701.822
2.	Người mua trả tiền trước	1.687.059.817	443.030.007
3.	Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	1.636.328.081	1.831.194.684
4.	Phải trả công nhân viên	11.614.495.786	12.532.266.188
5.	Chi phí phải trả	135.280.705	102.678.406
6.	Phải trả nội bộ	4.982.152.085	5.055.919.346
7.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3.947.320.778	2.958.452.348

(Nguồn: BCTC năm 2012 và BCTC Quý 3/2013 đã được kiểm toán của Công ty SCCV)

Bảng 17: Chi tiết Các khoản phải trả khác

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2012	30/09/2013
1.	Phải trả khoản tạm ứng Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản VN	1.881.577.868	1.881.577.868
2.	Kinh phí công đoàn	896.242.950	579.148.755
3.	Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	32.143.460	58.874.227
4.	Phải trả cổ tức	709.425.000	23.629.998
5.	Phải trả khác	427.931.500	415.221.500

	Tổng cộng	3.947.320.778	2.958.452.348
--	------------------	----------------------	----------------------

(Nguồn: BCTC năm 2012 và BCTC Quý 3/2013 đã được kiểm toán của Công ty SCCV)

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 18: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2011	Năm 2012
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn = TSLĐ/Nợ ngắn hạn	lần	1,29	1,42
- Hệ số thanh toán nhanh = (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	0,32	0,56
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	72,21	67,52
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	259,82	207,85
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho = Giá vốn bán hàng/Hàng tồn kho bình quân	vòng	23,60	25,18
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần	17,01	16,08
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,69	0,64
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	50,29	34,18
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	11,05	10,31
- Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	0,95	0,84

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2011, 2012 của Công ty SCCV)

12. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

Hội đồng quản trị

 Ông **TRẦN VĂN CHIỀU**

Chức vụ tại tổ chức phát hành : **Chủ tịch HĐQT**

Chức vụ tại tổ chức khác : Phó TGD, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản VN

Ngày sinh : 01/02/1961

Nơi sinh : Hải Hậu, Nam Định

Chứng minh nhân dân số : 100959785

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : T47 Cẩm Thành, Cẩm Phả, Quảng Ninh

Trình độ văn hóa : 10/10

Quá trình công tác :

Từ 03/1984 - 02/1986: Công nhân Công trường Khoan - Mỏ Than Đèo Nai

Từ 03/1986 - 06/1993: Cán bộ kỹ thuật Phòng kỹ thuật khai thác - Mỏ Than Đèo nai

Từ 07/1993 - 04/1994: Phó Trưởng Phòng kỹ thuật khai thác - Mỏ Than Đèo Nai

Từ 05/1994 - 06/1996 Trưởng phòng kỹ thuật khai thác - Mỏ Than Đèo Nai

Từ 07/1996 - 02/2002 Phó giám đốc - Công ty Than Đèo nai

Từ 03/2002 - 12/2006 Giám đốc - Công ty Than Đèo Nai

Từ 01/2007- 5/4/2010 UV HĐQT, Giám đốc - Công ty Cổ phần Than Đèo Nai- TKV

Từ 4/2010 – đến nay Phó TGD - Tập đoàn công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam

Từ 4/2012 đến nay Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Than Miền Nam - Vinacomin

Số cổ phần nắm giữ : 1.599.300 cổ phần, chiếm 77,18% vốn điều lệ

- Cá nhân nắm giữ

0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

- Đại diện nắm giữ

1.599.300 cổ phần, chiếm 77,18% vốn điều lệ (đại diện Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản VN)

Ông VĨNH NHƯ

Chức vụ tại tổ chức ĐKGD : **UV HĐQT kiêm Giám đốc**

Chức vụ tại tổ chức khác : Không có

Ngày sinh : 09/06/1956

Nơi sinh : Tp.Huế - Thừa Thiên Huế

Chứng minh nhân dân số : 023979998

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 323B/9 Đào Duy Anh, P.9, Q.Phú Nhuận, Tp.HCM

Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán
 Quá trình công tác :

Từ 7/1978 – 12/1989: Nhân viên trạm than Đông Hà, Công ty Than Miền Trung.
 Từ 01/1990 – 7/1995: Trạm trưởng trạm than Đông Hà, Công ty than Miền Trung.
 Từ 8/1995 – 12/2001: Giám đốc Xí nghiệp than Bình Trị Thiên, Công ty than Miền Trung.
 Từ 01/2002 đến nay: Giám đốc công ty Than Miền Nam.

Số cổ phần nắm giữ : 69.750 cổ phần, chiếm 3.36 % vốn điều lệ

 Ông **HỒ ANH KHOA**

Chức vụ tại tổ chức phát hành : **UV HĐQT kiêm Phó Giám đốc**
 Chức vụ tại tổ chức khác : Không có
 Ngày sinh : 27/08/1969
 Nơi sinh : Quảng Trị
 Chứng minh nhân dân số : 024179483
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Địa chỉ thường trú : 377/56B CMT8, P.12, Q.10, Tp.HCM
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
 Quá trình công tác :

- Từ 10/1994 – 04/1995: Chuyên viên phòng KHKD, Công ty Than Miền Nam.
- Từ 05/1995 – 11/1996: PGĐ Xí nghiệp Than Sài Gòn, Công ty Than Miền Nam.
- Từ 12/1996 – 10/1998: PGĐ Xí nghiệp Than Hậu Giang, Công ty Than Miền Nam.
- Từ 11/1998 – 05/2001: PGĐ Xí nghiệp Than Đồng Nai, Công ty Than Miền Nam.
- Từ 06/2001 – 04/2002: PGĐ Xí nghiệp Than Đồng Nai, Công ty Than Miền Trung.
- Từ 05/2002 – 12/2002: KTT Xí nghiệp Than Đồng Nai, Công ty Than Miền Trung.
- Từ 01/2003 – 03/2003: KTT Xí nghiệp Than Đồng Nai, Công ty Than Miền Nam.
- Từ 4/2003 – 9/2003: Phó Phòng KHKD, Công ty Than Miền Nam.
- Từ 10/2004 đến nay: Phó GĐ, Công ty Than Miền Nam.

Số cổ phần nắm giữ : 4.500 cổ phần, chiếm 0,21%.% vốn điều lệ

Ban kiểm soát

 Ông **NGUYỄN QUANG QUẢNG**

Chức vụ tại tổ chức phát hành : ***Trưởng Ban kiểm soát***

Chức vụ tại tổ chức khác : P. Trưởng Phòng – Ban Kế hoạch – Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam

Ngày sinh : 04/12/1980

Nơi sinh : Nhân Thắng, Gia Bình, Bắc Ninh.

Chứng minh nhân dân số : 013376503

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Tập thể Quân khu Thủ đô, số 55 Ngõ 164 Vương Thừa Vũ, Tổ 16b Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội.

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác :

Từ tháng 8/2002 đến tháng 01/2003: Làm việc tại Xí nghiệp than Bình Minh, thuộc Công ty than Quảng Ninh (tại các đơn vị: Phòng kế hoạch, Phân xưởng sàng tuyển, Phân xưởng lộ thiên).

Từ tháng 01/2003 đến tháng 08/2003: Làm việc tại Phòng Kế hoạch Vật tư – XN than Thành Công – Công ty Than Hạ Long.

Từ tháng 9/2003 đến tháng 5/2008: Làm việc tại Phòng Kế hoạch vật tư – Công ty than Hạ Long.

Từ tháng 8/2007 đến tháng 6/2008: được đề bạt làm Phó Trưởng Phòng Kế hoạch vật tư - Công ty than Hạ Long.

Từ 01/6/2008 đến nay: làm việc tại Ban Kế hoạch – Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản VN.

Từ tháng 7/2011 đến nay: đề bạt là Phó Trưởng Phòng Kiểm soát chi phí và Quản lý giá – Ban Kế hoạch.

Tháng 4/2012 đến nay: Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Than Miền Nam - Vinacomin

Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần

 Bà **LÂM THỊ BĂNG TÂM**

Chức vụ tại tổ chức phát hành : ***Thành viên Ban kiểm soát***
kiêm Kế toán trưởng Xí nghiệp Than Long An

Chức vụ tại tổ chức khác : Không có
 Ngày sinh : 04/04/1962
 Nơi sinh : Hoà Vang, Đà Nẵng
 Chứng minh nhân dân số : 020320219
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Địa chỉ thường trú : 193/5 Ung Văn Khiêm, P.25, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế ngành Lao động tiền lương
 Quá trình công tác :

Từ 12/1984 – 7/1996: Nhân viên công ty than Miền Nam.

Từ 8/1996 – 9/2004: Trưởng phòng Kế toán xí nghiệp than Sài Gòn, công ty than Miền Nam.

Từ 10/1996 đến nay: Kế toán trưởng Xí nghiệp than Long An, công ty than Miền Nam.

Số cổ phần nắm giữ : 9.000 cổ phần, chiếm 0,43% vốn điều lệ

 Bà **HUỲNH LÊ**

Chức vụ tại tổ chức ĐKGD : **Thành viên Ban kiểm soát**
 Chức vụ tại tổ chức khác : Không có
 Ngày sinh : 21/05/1970
 Nơi sinh : Vĩnh Long
 Chứng minh nhân dân số : 024257120
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Địa chỉ thường trú : 434/46/23 Bình Quới, P.28, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân
 Quá trình công tác :

Từ 11/1995 – 9/2004: Nhân viên Công ty Than Miền Nam.

Từ 10/2004 – 12/2011: Phó phòng TCHC, Công ty than Miền Nam.

Từ 01/2012 đến nay: Trưởng phòng TCHC, Công ty than Miền Nam.

Số cổ phần hiện đang nắm giữ

4.050 cổ phần chiếm 0,19% vốn điều lệ

Ban Giám đốc

 Ông **VĨNH NHƯ** - *UV HĐQT kiêm Giám đốc*

Xem chi tiết tại Phần Lý lịch Hội đồng quản trị

 Ông **HỒ ANH KHOA** – *UV HĐQT kiêm Phó Giám đốc*

Xem chi tiết tại Phần Lý lịch Hội đồng quản trị

 Ông **VŨ QUANG TRIỆU**

Chức vụ tại tổ chức phát hành : **Phó Giám đốc**

Chức vụ tại tổ chức khác : Không có

Ngày sinh : 14/01/1956

Nơi sinh : Quảng Ninh

Chứng minh nhân dân số : 100826747

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 184B Đặng Văn Bi, Thủ Đức, Tp.HCM

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư mỏ

Quá trình công tác :

- Từ 3/1983 – 12/1993: Quản đốc Phân xưởng đá 4 Mỏ than Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh.
- Từ 01/1994 – 10/1994: Phó phòng KHKD - Công ty Than Miền Nam.
- Từ 11/1994 – 02/1995: Cán bộ phòng Kỹ thuật Đầu tư, Công ty Than Uông Bí, Quảng Ninh.
- Từ 3/1995 – 9/1997: Trưởng Phòng Kỹ thuật Mỏ than Than Thùng, Quang Trung, Uông Bí, Quảng Ninh.
- Từ 10/1997 – 01/1998: Cán bộ kỹ thuật hầm lò Mỏ than Trảng Bạch, Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh.
- Từ 02/1998 – 12/1998: Trưởng phòng Kỹ thuật Mỏ than Trảng Bạch, Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh.
- Từ 01/1999 – 02/1999: Quyền Giám đốc Mỏ than Trảng Bạch, Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh.
- Từ 3/1999 – 12/1999: Giám đốc Xí nghiệp than Trảng Bạch, Mạo Khê, Đông Triều,

Quảng Ninh.

- Từ 01/2000 – 3/2008: PGĐ - Công ty Than Mạo Khê, Quảng Ninh.
- Từ 4/2008 – 12/2009: Giám đốc - Công ty Kho vận Đồng Nai – TKV.
- Từ 01/2010 đến nay: PGĐ - Công ty Than Miền Nam.

Số cổ phần hiện đang nắm giữ 0 cổ phần

Kế toán trưởng



Bà PHẠM THỊ NGỌC TRANG

Chức vụ tại tổ chức phát hành : **Kế toán trưởng**

Chức vụ tại tổ chức khác : Không có

Ngày sinh : 14/04/1966

Nơi sinh : Tp.HCM

Chứng minh nhân dân số : 021866818

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 77 Trần Khắc Chân, Q.Phú Nhuận, Tp.HCM

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán

Quá trình công tác :

Từ 8/1989 – 10/1991: Chuyên viên kế toán Công ty xây lắp điện 2, Bộ Năng lượng

Từ 11/1991 – 6/1995: Chuyên viên kế toán Công ty điện lực 2, Tổng Công ty điện lực.

Từ 7/1995 – 10/1998: Phó Phòng Kế toán, Công ty Than Miền Nam.

Từ 11/1998 – 3/2000: Trưởng phòng Kế toán Công ty Than Miền Nam.

- Từ 4/2000 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Than Miền Nam

Số cổ phần nắm giữ tại ngày : 6.750 cổ phần chiếm 0,33% vốn điều lệ

13. Tài sản

Bảng 19: *Danh mục tài sản cố định của Công ty*

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại
Tại thời điểm 31/12/2012				
I	Tài sản cố định hữu hình	13.089.711.477	4.064.748.575	31,05%

1	Nhà cửa, vật kiến trúc	4.752.219.580	1.913.081.333	40,26%
2	Máy móc thiết bị	2.129.715.630	542.015.583	25,45%
3	Phương tiện vận tải	5.949.575.520	1.550.677.892	26,06%
4	Dụng cụ quản lý	183.468.929	10.570.926	5,76%
5	TSCĐ hình thành từ Quỹ phúc lợi	74.731.818	48.402.841	64,77%
II	Tài sản cố định vô hình	4.409.256.517	4.119.455.720	93,43%
1	Quyền sử dụng đất	4.383.256.517	4.119.455.720	93,43%
2	Trang web công ty	26.000.000	-	-
Tại thời điểm 30/09/2013				
I	Tài sản cố định hữu hình	12.479.739.428	3.061.014.366	24,52%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	4.565.245.942	1.557.474.842	34,11%
2	Máy móc thiết bị	1.929.917.966	389.879.290	20,20%
3	Phương tiện vận tải	5.949.575.520	1.096.160.234	18,42%
4	Dụng cụ quản lý	-	-	-
5	TSCĐ hình thành từ Quỹ phúc lợi	35.000.000	17.500.000	50,00%
II	Tài sản cố định vô hình	4.383.256.517	4.053.706.868	92,48%
1	Quyền sử dụng đất	4.383.256.517	4.053.706.868	92,48%

(Nguồn: BCTC năm 2012 và BCTC Quý 3/2013 đã được kiểm toán của Công ty SCCV)

Bảng 21: Danh mục đất đai thuộc quyền quản lý sử dụng của SCCV

STT	Khu đất	Địa chỉ	Diện tích (m2)	Loại hình sở hữu	Thời hạn sử dụng
1	XN Than Hậu Giang (Nhà văn phòng)	XN Than Hậu Giang	100	Đất thuê 50 năm, trả tiền thuê hàng năm.	Từ 2009 Đến 2059
2	Nhà văn phòng	42 Công Quỳnh, Q.1 Tp.HCM	80	Sở hữu tài sản trên đất, đất thuê 50 năm, trả tiền thuê hàng năm.	Từ 2004 Đến 2054
3	XN Than Hậu Giang (Kho Than Ô Môn)	Khu vực Thới Ngươn B, P. Phước Thới, Q.Ô Môn, Cần Thơ	1.926	Sở hữu lâu dài	-

3	XN Than Hậu Giang (Kho Than Ô Môn)	Khu vực Thới Ngươn B, P. Phước Thới, Q.Ô Môn, Cần Thơ	3.869	Sở hữu lâu dài	-
---	------------------------------------	---	-------	----------------	---

(Nguồn: SCCV)

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận của Công ty

14.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và lợi nhuận

Trên cơ sở các điểm mạnh và điểm yếu trong bối cảnh các thách thức và cơ hội mà SCCV có thể tận dụng hoặc phải đối mặt trong thời gian tới, SCCV đã đặt ra kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2013 – 2014 như sau:

Bảng 20: Kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận các năm 2013 – 2014

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
Sản phẩm chủ yếu		
Than mua (tấn)	700.000	1.000.000
Than tiêu thụ (tấn)	700.000	1.000.000
Vốn điều lệ (đồng)	22.722.500.000	22.722.500.000
Doanh thu thuần (đồng)	1.530.520.000.000	2.679.920.000.000
Lợi nhuận trước thuế (đồng)	7.000.000.000	8.000.000.000
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế / Doanh thu thuần (%)	0,46	0,30
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế / Vốn điều lệ (%)	30,81	35,21
Cổ tức (% mệnh giá)	12	12

(Nguồn: Kế hoạch kinh doanh 2013 – 2016 của SCCV)

14.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch trên

- Ổn định sản xuất, đẩy mạnh việc chế biến tiêu thụ than tiết kiệm chi phí, nâng cao chất lượng và hiệu quả trong các lĩnh vực kinh doanh, dịch vụ.
 - Trên cơ sở mục tiêu kế hoạch mua và bán 1.000.000 tấn than, Công ty sẽ tiếp tục bám sát thị trường, duy trì mức tồn kho hợp lý với tiêu thụ, không để tăng tồn kho ở các đơn vị tránh chi phí lãi vay, chỉ bán than cho các hộ thu được tiền để quay nhanh dòng vốn và không để phát sinh nợ xấu.
 - Ổn định nhân lực, vật lực cho việc giao than cho hộ lớn mà Tập đoàn phân công và dịch vụ vận chuyển than quặng cho tổ hợp Bauxit nhôm Lâm Đồng.
- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý, tổ chức điều hành tiêu thụ, quản trị chi phí, tài chính.
- Hoàn thiện công tác tổ chức, sắp xếp để các đơn vị, phòng trong Công ty hoạt động theo hướng chuyên môn hóa và hiệu quả hơn.

- Chủ động tổ chức đào tạo nâng cao trình độ cho công nhân, cán bộ quản lý đáp ứng nhu cầu cho sản xuất kinh doanh của Công ty.

15. Thông tin về cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có

16. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới tổ chức phát hành

Không có

VII. CỔ PHẦN CHÀO BÁN ĐẤU GIÁ

- Loại cổ phần:** Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phần chào bán:** 1.184.850 cổ phần
(Một triệu một trăm tám mươi bốn nghìn tám trăm năm mươi cổ phần)
- Tổng giá trị chào bán:** 11.848.500.000 đồng
(theo mệnh giá) (Mười một tỷ tám trăm bốn mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng)
- Giá khởi điểm:** 28.473 đồng/cổ phần
- Phương thức chào bán**
Chào bán cho các nhà đầu tư thông qua đấu giá công khai ra công chúng tại Sở GDCK Tp.HCM.
- Hạn chế chuyển nhượng của cổ phần chào bán**
Tất cả các cổ phần chào bán được tự do chuyển nhượng.
- Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài**
Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Than Miền Nam VINACOMIN không giới hạn về tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu đối với người nước ngoài. Vì vậy, cổ đông là người nước ngoài có thể mua bán cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài trên vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm ngày 30/11/2013 là 0%.
- Các loại thuế có liên quan**
Đối với Công ty CP Than Miền Nam - VINACOMIN
 - **Thuế thu nhập doanh nghiệp:**
Công ty CP Than Miền Nam – VINACOMIN hiện có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập doanh nghiệp với mức thuế 25% trên thu nhập chịu thuế.
Theo quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp là 22% sẽ được áp dụng từ 01/01/2014.

- *Thuế khác:* Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Đối với Nhà đầu tư

- *Thuế thu nhập cá nhân*

Theo quy định tại Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/09/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân, thì thu nhập từ đầu tư vốn (bao gồm cổ tức bằng tiền hoặc cổ phiếu), chuyển nhượng vốn, thu nhập từ thừa kế chứng khoán, nhận quà tặng là chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân là các thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân.

- *Thuế Thu nhập doanh nghiệp:*

Thông tư 130/2008/TT-BTC của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp quy định thu nhập từ chuyển nhượng vốn và chuyển nhượng chứng khoán là những thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Việc thực hiện chào bán nhằm mục đích giảm tỷ lệ nắm giữ cổ phần của cổ đông Nhà nước - Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam tại Công ty Cổ phần Than Miền Nam - VINACOMIN.

IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN CỔ PHẦN**1. Tổ chức phát hành****CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MIỀN NAM - VINACOMIN**

Trụ sở chính : 49 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM

Điện thoại : (84.8) Fax: (84.8)

Website : www.thanmiennam.com Email: sales@thanmiennam.com

2. Tổ chức kiểm toán**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM**

Trụ sở chính : 4 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.8) 22200237 Fax: (84.8) 22200265

Website : www.afcaudit.vn Email: afcaudit.hcmc@afcaudit.vn

3. Tổ chức tư vấn**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG (ORS)**

Địa chỉ : 194 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại : (84.8) 39 144 290 Fax: (84.8) 39 142 295

Website : www.ors.com.vn Email: ors@ors.com.vn

X. PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Phụ lục 2: Bản sao Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Than Miền Nam – VINACOMIN.

Phụ lục 4: Các Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2011, 2012, Quý 3/2013.

TP.HCM, ngày 10 tháng 02 năm 2014

**TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CP THAN MIỀN NAM - VINACOMIN**



GIÁM ĐỐC

VĨNH NHƯ

**TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**



Q. TỔNG GIÁM ĐỐC

DIỆP TRÍ MINH